

Bản án số: 08 /2024/HS-ST
Ngày: 14/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Văn Minh

+ Ông Huỳnh Kim Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trà Văn Bên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1994 tại tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: **Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.**

Số căn cước công dân: 051094001790, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- **Bộ C1**, cấp ngày 22/9/2023

Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần D**, sinh năm 1968 và bà **Huỳnh Thị S**, sinh năm 1957; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/12/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: **Công ty Cổ phần Đ2**

Địa chỉ trụ sở: **số I T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Ngọc Á**, chức vụ: Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

+ Ông **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt
+ Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1962
Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt
+ Bà Lưu Thị Đ1, sinh năm 1974
Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 10 năm 2023, Trần C thực hiện 03 vụ trộm tài sản ở công trường đang thi công đường cao tốc Bắc Nam đoạn qua thôn P, xã Đ, huyện M, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 04/10/2023, Trần C đi một mình điều khiển xe Wave α, màu xanh biển kiểm soát 60B1-630.18 (xe này là của C mượn của bà Lưu Thị Đ1, sinh ngày 12/10/1974, trú tại thôn P, xã Đ) đến công trình đường C thuộc thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nhằm mục đích trộm cắp tài sản, sau khi quan sát xung quanh không có ai trông coi, C vào công trình lấy 04 (bốn) tấm sắt, hình chữ nhật đặt lên xe rồi điều khiển xe chạy đến tiệm phế liệu của bà Phạm Thị Đ (sinh năm 1962, trú tại thôn P, Đ, M) để bán 04 (bốn) tấm sắt trên (tổng khối lượng 93 kg) với số tiền 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền trên C sử dụng hết vào việc tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 18 giờ 45 phút, ngày 08/10/2023, Trần C điều khiển xe Wave α, màu xanh, biển kiểm soát 60B1- 630.18 đến công trình đường C thuộc thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi để trộm cắp tài sản, sau khi quan sát xung quanh không có người trông coi, C vào công trình lấy 03 (ba) tấm sắt, hình chữ nhật đặt lên xe rồi điều khiển xe chạy đến tiệm phế liệu của bà Phạm Thị Đ bán 03 (ba) tấm sắt trên (tổng khối lượng 70 kg) với số tiền 490.000đ (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Số tiền trên C sử dụng hết vào việc tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 21 giờ 15 phút ngày 11/10/2023, Trần C điều khiển xe Wave α, màu xanh, biển kiểm soát 60B1- 630.18 đến công trình đường C thuộc thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi để trộm cắp tài sản, sau khi quan sát xung quanh không có người trông coi, C vào công trình lấy 23 (hai mươi ba) cây sắt chiều dài khoảng 0.9m, và 01 (một) tấm sắt hình chữ nhật (tổng khối lượng 53 kg), sau đó đặt lên xe chạy về nhà. Đến khoảng 05 giờ 00 phút, ngày 12/10/2023, C điều khiển xe chở theo tài sản lấy được tại công trình thi công vào tối ngày 11/10/2023 đến tiệm phế liệu của bà Phạm Thị Đ bán với số tiền 370.000đ (ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Số tiền trên C sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân còn 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Trần C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M đối với tài sản bị thiệt hại trong Vụ trộm

cấp tài sản xảy ra vào tháng 10/2023 tại công trình đang thi công thuộc Dự án **đường C** – Nam đoạn qua **thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi** như sau:

+ Vụ trộm cấp tài sản vào ngày 04/10/2023: 04 (bốn) tấm kim loại (gọi là gô) có kích thước (0.41x0.25x0.03)m có giá trị thiệt hại là 3.344.000 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

+ Vụ trộm cấp tài sản vào ngày 08/10/2023: 03 (ba) tấm kim loại (gọi là gô) có kích thước (0.41x0.25x0.03)m có giá trị thiệt hại là 2.508.000 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

+ Vụ trộm cấp tài sản vào ngày 11/10/2023: 01 (một) tấm kim loại (gọi là bàn táp) có kích thước (1x0.16x0.02)m có giá trị thiệt hại là 825.000 đồng (**T** trăm hai mươi lăm nghìn đồng); 23 (hai mươi ba) đoạn sắt phi 16, chiều dài mỗi cây là 0.9m có giá trị thiệt hại là 472.602 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng). Tổng giá trị thiệt hại là 1.297.602 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng, sáu trăm lẻ hai đồng).

Tổng giá trị tài sản 03 (ba) lần trộm cắp nêu trên là 7.149.602 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm lẻ hai đồng)

*** Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo **Trần C** khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Trần C** đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ba lần, trong đó có 02 lần trộm cắp vào các ngày 04/10/2023 và ngày 08/10/2023 đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”.

* Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **công an huyện M** đã tạm giữ và xử lý:

- 03 (ba) tấm kim loại (gọi là gô) có kích thước (0,41x0.25x0.03)m; 01 (một) tấm kim loại (gọi là bàn táp) có kích thước (1x0.16x0.02)m; 23 (hai mươi ba) đoạn sắt có phi 16, chiều dài mỗi cây 0.9m thuộc quyền sở hữu của **Công ty cổ phần Đ2** do ông **Nguyễn Mạnh H** là người đại diện hợp pháp của công ty. Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** đã tiến hành trả lại cho ông **Nguyễn Mạnh H**.

- 01 (một) xe mô tô màu xanh, biển kiểm soát 60B1-630.18, trên thân xe có dòng chữ Wave α thuộc quyền sở hữu, quản lý của bà **Lưu Thị Đ1**. Bà **Đ1** cho **Trần C** mượn xe để phục vụ việc sinh hoạt cá nhân, không biết **Trần C** sử dụng xe này vào việc trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** đã tiến hành trả lại cho bà **Lưu Thị Đ1**.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng) là số tiền còn lại do **Trần C** bán sắt trộm mà có.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 22/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo **Trần C** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Trần C** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Trần C** từ 09 đến 12 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **V** dân sự: Ông **Nguyễn Mạnh H** đại diện người bị hại đã nhận bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) không yêu cầu gì về dân sự; bà **Phạm Thị Đ** không yêu cầu bồi thường dân sự nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện M**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện M**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Trần Trung T1** và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông **Nguyễn Mạnh H**, bà **Lưu Thị Đ1** vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại các điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo **Trần C** đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã truy tố. Lời khai của bị cáo **Trần C** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo **Trần C** đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại công trình **đường C thuộc thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi** trong tháng 10/2023 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.149.602 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm lẻ hai đồng). Hành vi trên của bị cáo **Trần C** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, bị cáo **Trần C** có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn lén lút thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, trong đó 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân truy tố bị cáo **Trần C** về tội “Trộm cắp tài sản” đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo **Trần C** là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo và cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Trần C** hiện 02 vụ trộm cắp tài sản đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Trần C** đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về dân sự: Đại diện bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, bà **Phạm Thị Đ** có đơn không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo **Trần C** không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] 03 (ba) tấm kim loại (gọi là gổ) có kích thước (0,41x0,25x0,03)m; 01 (một) tấm kim loại (gọi là bàn táp) có kích thước (1x0,16x0,02)m; 23 (hai mươi ba) đoạn sắt có phi 16, chiều dài mỗi cây 0,9m thuộc quyền sở hữu của **Công ty Cổ phần Đ2** do ông **Nguyễn Mạnh H** là người đại diện hợp pháp của Công ty. Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** đã tiến hành trả lại cho ông **Nguyễn Mạnh H** là có căn cứ.

[10.2] 01 (một) xe mô tô màu xanh, biển kiểm soát 60B1-630.18, trên thân xe có dòng chữ Wave α thuộc quyền sở hữu, quản lý của bà **Lưu Thị Đ1**. Bà **Đ1** cho **Trần C** mượn xe để phục vụ việc sinh hoạt cá nhân, không biết **Trần C** sử dụng xe này vào việc trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** đã tiến hành trả lại cho bà **Lưu Thị Đ1** là có căn cứ.

[10.3] Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng) là số tiền còn lại do **Trần C** bán sắt trộm mà có.

[11] Đối với hành vi của bà **Phạm Thị Đ** – là chủ tiệm mua bán ve chai phế liệu: Khi bà **Đ** nhận mua số sắt trên từ bị cáo **Trần C** thì bà **Đ** không biết là những tài sản trên là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý bà **Đ** về hành vi “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định của Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bị cáo **Trần C** phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[14] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Trần C** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Trần C** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng) là số tiền còn lại do **Trần C** bán sắt trộm mà có.

Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện M** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo **Trần C** phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo **Trần C** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- CQCSĐT Công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Sang

